| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 - SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Anh Đức
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Đinh Văn Thân
Bà Bàn Thị Huệ

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Khánh Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Sòi Thu T, sinh năm 1997.
Địa chỉ: tiểu khu M, xã PY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Sằm Văn S, sinh năm 1994.
Địa chỉ: bản U, xã PY, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 01/8/2025 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Sòi Thu T trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sòi Thu T và anh Sằm Văn S kết hôn với nhau ngày 15 tháng 6 năm 2018. Trước khi kết hôn hai anh, chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã PY, tỉnh Sơn La). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm đến ba năm thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh, chị mâu thuẫn về kinh tế, hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, đời sống chung không hòa hợp. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 07/2025 đến nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Sòi Thu T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Sằm Văn S.

Về con chung: có hai con chung, con thứ nhất là cháu Sằm Quốc B, sinh ngày 01/4/2019 và con thứ hai là cháu Sằm Quốc H, sinh ngày 08/02/2022. Từ khi anh, chị ly thân đến nay, cháu Sằm Quốc B ở cùng gia đình chị Sòi Thu T, cháu Sằm Quốc H ở cùng gia đình anh Sằm Văn S. Chị Sòi Thu T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, nhưng anh Sằm Văn S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sằm Quốc H thì chị nhất trí.

Về cấp dưỡng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Sòi Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**Tại bản tự khai các ngày 29/8/2025 và ngày 22/10/2025, bị đơn anh Sằm Văn S trình bày như sau:**

Anh và chị Sòi Thu T chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hai bên kết hôn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2025 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn và chị Sòi Thu T chuyển về sinh sống cùng gia đình bố, mẹ đẻ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp. Anh nhất trí ly hôn với chị Sòi Thu T nhưng vẫn có mong muốn được đoàn tụ gia đình để cùng nhau xây dựng lại hạnh phúc chung và cùng chăm sóc con.

Về con chung: có hai con chung, con thứ nhất là cháu Sằm Quốc B, sinh ngày 01/4/2019 và con thứ hai là cháu Sằm Quốc H, sinh ngày 08/02/2022. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sằm Quốc H đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại biên bản xác minh lập ngày 12/11/2025 với chính quyền địa phương bản U, xã PY, tỉnh Sơn La xác định:**

Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ý kiến của của chị T và anh S trình bày. Hai anh, chị kết hôn tự nguyện và chung sống với nhau tại bản U, xã PY, tỉnh Sơn La từ năm 2018 đến nay, sau khi kết hôn được khoảng hai đến ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị bất đồng quan điểm sống về kinh tế gia đình, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Hai anh, chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay, khi ly thân chị Sòi Thu T không còn chung sống cùng anh Sằm Văn S. Hai anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Về con chung: có hai con chung là cháu Sằm Quốc B và cháu Sằm Quốc H, hiện cháu Sằm Quốc B đang ở

cùng gia đình chị Sòi Thu T, cháu Sằm Quốc H đang ở cùng gia đình anh Sằm Văn S.

Trong cả quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Sằm Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản U, xã PY, tỉnh Sơn La. Anh S đã nhận được bản sao các tài liệu chứng cứ của chị Sòi Thu T giao nộp tại Toà án, đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhân dân khu vực 5 - Sơn La nhưng cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

**Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La phát biểu ý kiến:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án và được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Toà án áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 228, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Sòi Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sòi Thu T được ly hôn anh Sằm Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Sằm Quốc B, sinh ngày 01/4/2019 cho chị Sòi Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Giao cháu Sằm Quốc H, sinh ngày 08/02/2022 cho anh Sằm Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Sòi Thu T và anh Sằm Văn S, do hai anh chị chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Sòi Thu T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Sằm Văn S cư trú tại bản U, xã PY, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

[2] Bị đơn Sằm Văn S đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Sằm Văn S đã cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Toà án.

Anh Sằm Văn S biết chị Sòi Thu T khởi kiện ly hôn, anh đã có ý kiến trình bày nhưng cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sòi Thu T và anh Sằm Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2018. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện PY, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã PY, tỉnh Sơn La). Do đó quan hệ hôn nhân của chị Sòi Thu T và anh Sằm Văn S là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hai đến ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, không có tiếng nói chung, đời sống chung không hòa hợp. Hai anh, chị sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Lời khai của chị Sòi Thu T là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị Sòi Thu T xác định không còn tình cảm với anh Sằm Văn S và yêu cầu ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh Sằm Văn S nhiều lần nhằm mục đích hòa giải cho vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng anh S không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng minh rằng anh Sằm Văn S không còn tình cảm với chị Sòi Thu T. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của hai anh, chị thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sòi Thu T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Sằm Quốc B, sinh ngày 01/4/2019 và cháu Sằm Quốc H, sinh ngày 08/02/2022. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của các cháu và phù hợp với yêu cầu của chị Sòi Thu T và anh Sằm Văn S. Cần giao cháu Sằm Quốc B cho chị Sòi Thu T và giao cháu Sằm Quốc H cho anh Sằm Văn S được trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Sòi Thu T và anh Sằm Văn S chưa yêu cầu cấp dưỡng. Vì vậy, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với hai anh chị.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị Sòi Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị Sòi Thu T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La và Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ quy định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; tại phiên tòa, chị có yêu cầu được miễn án phí, do vậy cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sòi Thu T.

Hoàn trả lại cho chị Sòi Thu T 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/25E/0000547 ngày 23/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Sòi Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sòi Thu T được ly hôn anh Sằm Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Sằm Quốc B, sinh ngày 01/4/2019 cho chị Sòi Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Giao cháu Sằm Quốc H, sinh ngày 08/02/2022 cho anh Sằm Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Sòi Thu T và anh Sằm Văn S, do hai anh chị chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về nợ chung: tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Về án phí: Chị Sòi Thu T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Sòi Thu T số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số BLTU/25E/0000547 ngày 23 tháng 10 năm 2025.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/02/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã PY, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Anh Đức**